

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2020

V/v: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ.

Bà Trần Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử công khai vụ án thụ lý số 90/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 423/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 482/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Dương Thị C**, sinh năm: 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Rạ, xã P, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Trần Thanh T**, sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 02 năm 2020 và lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Dương Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Thanh T chung sống với nhau từ năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai vào ngày 28/01/2011. Quá trình chung sống vợ chồng chị có phát sinh mâu thuẫn về nhiều vấn đề trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau,

vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 6/2017. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm và mục đích hôn nhân không đạt nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thanh H, sinh ngày 26/4/2013 và Trần Minh Th, sinh ngày 10/9/2017 hiện nay hai cháu đang sống với chị. Trường hợp ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong bản tự khai ngày 24/3/2020 bị đơn anh Trần Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Dương Thị C kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai vào ngày 28/01/2011. Từ năm 2017 anh và chị C phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay chị C xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Có hai con tên Trần Thanh H, sinh ngày 26/4/2013 và Trần Minh Th, sinh ngày 10/9/2017. Ly hôn anh đồng ý giao hai con cho chị C nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Từ khi thụ lý, quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: chị Dương Thị C và anh Trần Thanh T sống với nhau và đã đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã T, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình cả hai không hợp nhau, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân cho đến nay. Nay chị C làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Thanh T.

Do chị Dương Thị C và anh Trần Thanh T kết hôn với nhau năm 2011, khi kết hôn chị C và anh T có đủ điều kiện kết hôn theo Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Hiện nay, anh chị không còn quan T yêu thương nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T đồng ý ly hôn với chị C nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị C.

Về con chung: 02 con tên Trần Thanh H, sinh ngày 26/4/2013 và Trần

Minh Th, sinh ngày 10/9/2017. Hiện cháu H, cháu Th còn nhỏ và đang ở với chị C, chị C đề nghị Tòa án cho chị được quyền nuôi cháu H, cháu Th, không yêu cầu anh Trần Thanh T cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy: Tại bản tự khai ngày 11/3/2020 của cháu H, cháu H có nguyện vọng được ở với chị C, anh T đồng ý. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị C, giao cháu H, cháu Th cho chị C nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Thanh T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Trần Thanh T có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị C về việc xin ly hôn với anh Trần Thanh T thì thấy rằng: Chị C, anh T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai vào ngày 28/01/2011 nên xác định hôn nhân giữa chị C, anh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Năm 2019 chị C đã nộp đơn ly hôn sau đó rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng vợ chồng vẫn không hàn gắn đoàn tụ được. Tại bản tự khai ngày 24/3/2020 anh T có ý kiến đồng ý ly hôn với chị C. Xét thấy, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, quá trình ly thân đã lâu nhưng vợ chồng không bàn bạc đoàn tụ chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt. Do đó chấp nhận đơn xin ly hôn của chị C, xử cho chị Dương Thị C được ly hôn anh Trần Thanh T.

Về con chung: Có hai con tên Trần Thanh H, sinh ngày 26/4/2013 và Trần Minh Th, sinh ngày 10/9/2017, hiện nay hai cháu đang sống với chị C. Trường hợp ly hôn chị C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 24/3/2020 anh T cũng đồng ý giao hai con cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo cho sự phát triển một cách tốt nhất thì cần tiếp tục giao hai cháu Trần Thanh H và Trần Minh Th cho chị C nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[4] Về án phí: Chị C là người nộp đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị C về việc xin ly hôn với anh Trần Thanh T. Xử cho chị Dương Thị C được ly hôn với anh Trần Thanh T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trần Thanh H, sinh ngày 26/4/2013 và Trần Minh Th, sinh ngày 10/9/2017 cho chị Dương Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh Trần Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị C, anh T vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh T có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

5. Về án phí: Chị Dương Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 000097 ngày 21/02/2020 tại C cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Chị C đã nộp đủ án phí.

Chị C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

*** Nơi nhận :**

- CCTHADS H. Nhơn Trạch;
- VKSND H. Nhơn Trạch;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

Lê Thị Ánh Sáng – Nguyễn Văn Ba

Nguyễn Văn Thành